

Số:            /QĐ-BTNMT

*Hà Nội, ngày    tháng    năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị;*

*Căn cứ Quyết định 01-QĐ/BCSĐTNMT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ban Cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình công tác năm 2021;*

*Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, VCLCS.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ  
ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết  
số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về chủ động  
ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ  
môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ (viết tắt là *Nghị quyết số 06/NQ-CP*) ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (viết tắt là *Nghị quyết số 24-NQ/TW*) theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị (viết tắt là *Kết luận số 56-KL/TW*), Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP với các nội dung sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW theo Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị, hướng tới phát triển bền vững đất nước.

2. Kế hoạch được thực hiện đến năm 2025, làm căn cứ để các đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 56-KL/TW, Nghị quyết số 24-NQ-TW và Nghị quyết 06/NQ-CP.

3. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số kế hoạch, chương trình, đề án, dự án mở mới giai đoạn đến năm 2025.

4. Đến năm 2025, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai nhằm góp phần chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, biến đổi khí hậu; triển khai thực

hiện Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hướng tới giảm 7,3% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường (BAU) theo lộ trình thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC).

b) Về quản lý tài nguyên:

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng. Hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính; 85% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000; 80% diện tích vùng biển và hải đảo được bay đo từ trọng lực tỷ lệ 1:25.000; 30% diện tích được điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000.

- Quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia. Bảo đảm 80% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để duy trì dòng chảy tối thiểu của các lưu vực sông; 70% lưu vực sông lớn, quan trọng có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Từng bước kiểm soát xu hướng ô nhiễm môi trường không khí ở các đô thị lớn. 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; phần đầu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom; 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom, xử lý. Bảo đảm 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 10% đối với các đô thị từ loại V trở lên được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.

- Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, đi-ô-xin.

- Góp phần bảo đảm độ che phủ rừng được duy trì ở mức 42%; 13 khu đất ngập nước Ramsar, 12 khu dự trữ sinh quyển được thành lập và công nhận. Tăng diện tích các khu đất ngập nước quan trọng được bảo vệ; có ít nhất 10 loài nguy cấp được đưa vào chương trình bảo vệ.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

#### a) Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Phổ biến, nâng cao nhận thức, quán triệt quan điểm đặt yêu cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; coi môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục đưa nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Trung ương và địa phương.

- Phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm tốt; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đánh giá kết quả bảo vệ môi trường hàng năm đối với các địa phương, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### b) Tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước

- Tập trung xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số Luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm: Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học, Luật Khí tượng thủy văn, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành; nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc xây dựng Luật về biến đổi khí hậu. Tổng kết, đánh giá và xây dựng các chiến lược quốc gia giai đoạn 2021-2030 về biến đổi khí hậu, phát triển ngành khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, khoáng sản, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý tổng hợp chất thải rắn, ...; xây dựng chiến lược sử dụng đất, chiến lược tổng thể tài nguyên số về tài nguyên và môi trường, chiến lược phát triển ngành tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng và thực hiện các quy hoạch liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và các hợp phần tài nguyên, môi trường trong các quy hoạch cấp quốc gia, vùng và tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

- Hoàn thiện cơ chế để thực hiện minh bạch hóa trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng, liên tỉnh; cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách khuyến khích phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo sự bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân. Nâng cao trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

### **c) Nâng cao năng lực và hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật**

- Nâng cao năng lực, cung cấp, đầu tư phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường.

- Lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo và tiết kiệm nguồn lực.

- Rà soát, điều chỉnh các quy định xử lý vi phạm theo hướng nâng mức xử phạt, bảo đảm đủ sức răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; quản lý, sử dụng đất; hoạt động khai thác các loại khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi trái phép trên phạm vi cả nước.

- Thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng để nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của chính sách, pháp luật về tài nguyên, môi trường.

- Ứng dụng các nền tảng công nghệ thông tin, mạng xã hội, tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả của các đường dây nóng... nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật trong quản lý tài nguyên và môi trường.

**d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

- Thực hiện Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại, viễn thám, công nghệ thông tin và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) đối với từng loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Triển khai thực hiện Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025 và 06 chương trình khoa học công nghệ trọng điểm 2021-2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường thống nhất, đồng bộ, liên tục được cập nhật; xây dựng và vận hành cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các Bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan.

**đ) Đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư**

- Đổi mới cơ chế quản lý, tăng dần và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng cách tiếp cận dựa vào thị trường trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phân bổ sử dụng nguồn lực tài nguyên theo cơ chế thị trường.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và triển khai áp dụng các công cụ kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường, thị trường các-bon, các hình thức đối tác công tư (PPP), tín dụng xanh, trái phiếu xanh, các cơ chế chi

trả dịch vụ hệ sinh thái; tiếp tục triển khai thực hiện xã hội hóa để huy động đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách.

**e) Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

- Tăng cường tham gia vào tiến trình/quá trình đàm phán xây dựng, thực hiện các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường.

- Tổ chức phổ biến, cập nhật các quy định mới, chú trọng hướng dẫn các doanh nghiệp triển khai thực hiện các quy định về tài nguyên và môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA); nội luật hóa các quy định của quốc tế liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách hợp tác phù hợp với các đối tác, các nước trong khu vực về tài nguyên và môi trường, đặc biệt là tài nguyên nước lưu vực sông Mê Công; tham gia các hoạt động nghiên cứu quốc tế chung về biển và đại dương.

- Xây dựng, tham gia thực hiện các dự án vùng, khu vực để tổ chức tiếp nhận tri thức, công nghệ, tài chính góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Chủ động đề xuất và tham gia thực hiện các sáng kiến khu vực và quốc tế về kinh tế tuần hoàn như Cơ chế hợp tác về kinh tế tuần hoàn ASEAN; cơ chế hợp tác trao đổi tín chỉ các-bon, tín chỉ phát thải khu vực...

**2. Về ứng phó với biến đổi khí hậu**

**a) Tiếp tục xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Xây dựng và phát triển năng lực nghiên cứu, ưu tiên nghiên cứu cơ bản để phục vụ dự báo, cảnh báo và phân vùng rủi ro thiên tai; phát triển hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng; ứng dụng công nghệ chuẩn hóa và hiện đại.

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hệ thống quan trắc tai biến địa chất và phòng chống thiên tai; tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống giám sát bờ sông, bờ biển vùng đồng bằng sông Cửu Long bằng công nghệ viễn thám.

- Cập nhật, cụ thể hóa Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xây dựng và cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai của cả nước và chi tiết đến từng vùng, miền, địa phương.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-



TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái (EbA), dựa vào cộng đồng (CbA) và dựa vào tự nhiên (NbS).

**b) Triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn**

- Đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu theo vùng, miền; cập nhật các bản đồ nguy cơ ngập lụt theo kịch bản nước biển dâng đến cấp xã.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn ở các vùng ven biển, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long.

**c) Giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái**

- Thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần.

- Áp dụng các biện pháp công nghệ và quản lý để giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải; khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường; chuẩn bị cho việc triển khai các công cụ định giá các-bon, xây dựng cơ sở pháp lý và hình thành thị trường các-bon, thuế, phí các-bon.

- Hướng dẫn triển khai, giám sát thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật của Việt Nam; xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ thực hiện NDC của Việt Nam đến năm 2030; cập nhật định kỳ 5 năm theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; xây dựng danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; thiết lập hệ thống quốc gia về giám sát, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính.

- Thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu quốc gia và các kế hoạch có liên quan.

- Điều phối tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

### **3. Về quản lý tài nguyên**

#### **a) Đối với tài nguyên đất đai**

- Tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính, đánh giá đầy đủ tiềm năng đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và duy trì hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên đất theo quy định của Luật Đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai toàn quốc.

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; chú trọng sử dụng không gian ngầm. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch sử dụng đất. Xây dựng bộ tiêu chí, hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá quản lý và sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bền vững.

- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai, phát huy tiềm năng đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện quản lý, khai thác nguồn thu từ đất, phát triển kinh tế đất. Xây dựng cơ chế điều tra thu thập, theo dõi, cập nhật biến động giá đất trên thị trường; xây dựng mạng lưới giá đất, thửa đất chuẩn, thông tin giá đất thị trường và bản đồ giá đất; xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất đến từng thửa đất.

- Tăng cường kỷ luật trong quản lý đất đai, thực hiện luân chuyển công chức, viên chức có vị trí việc làm liên quan đến đất đai; thực hiện việc thanh tra hành chính, kiểm tra chéo và tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức xã hội, của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai.

- Bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, giảm thiểu và cải tạo phục hồi đất bị thoái hóa.

#### **b) Đối với tài nguyên nước**

- Tiếp tục thực hiện điều tra và xây dựng bản đồ tài nguyên nước mặt và nước ngầm; tập trung điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000, tỷ lệ 1:50.000 cho các vùng khan hiếm nước, thiếu nước và tỷ lệ 1:25.000 cho một số vùng trọng điểm; xây dựng và thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia.

- Thực hiện quy hoạch, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước

biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra. Xây dựng và thực hiện Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia.

- Điều hoà, phân bổ nguồn nước cho các mục đích sử dụng bằng công cụ quan trắc, giám sát tự động trên cơ sở các quy hoạch và hạn ngạch cấp phép khai thác, sử dụng nguồn nước.

- Theo dõi, đánh giá, dự báo, thực hiện các giải pháp chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; phòng, chống khô hạn, xâm nhập mặn, ưu tiên những vùng bị ảnh hưởng nặng; thực hiện các giải pháp tổng thể để tăng cường khả năng trữ nước của những vùng thường xuyên bị hạn hán; nghiên cứu, điều tra khả năng bổ cập nước nhân tạo tại các khu vực thích hợp.

- Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất; tiếp tục triển khai cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; phòng chống sụt lún, sạt lở, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống tác hại do nước gây ra.

- Nghiên cứu, thúc đẩy hợp tác đa phương, song phương, cơ chế chia sẻ, giải quyết tranh chấp, xung đột tài nguyên nước xuyên biên giới theo các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc tế.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng pháp luật về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện các biện pháp tích nước, điều hòa, phân bổ, sử dụng tổng hợp, bền vững tài nguyên nước.

### **c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản**

- Tiếp tục điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; đánh giá tiềm năng các loại khoáng sản quan trọng. Thực hiện thống kê, kiểm kê tài nguyên khoáng sản trên phạm vi toàn quốc.

- Thực hiện quy hoạch thăm dò khoáng sản; dự trữ, nhập khẩu khoáng sản quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội lâu dài của đất nước.

- Điều tra, đánh giá về tài nguyên địa chất, tài biến địa chất phục vụ xây dựng các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các đô thị ven biển; điều tra, đánh giá địa chất đô thị trên phạm vi cả nước; đánh giá tiềm năng cấu trúc địa chất để lưu giữ khí nhà kính và các loại chất thải.

- Lập bản đồ địa chất Đệ Tứ tỷ lệ 1:50.000 đi kèm bản đồ địa chất công trình - địa chất thủy văn phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá các di sản địa chất phục vụ việc bảo tồn.

#### **d) Đối với tài nguyên biển**

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển và hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát tổng hợp và thống nhất tài nguyên và môi trường biển. Xây dựng quy định về quản lý chặt chẽ hoạt động lấn biển nhằm bảo vệ cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái ven biển và trên biển, bảo đảm sự hài hòa với mục tiêu phát triển kinh tế biển.

- Hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, tập trung xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia; đầu tư phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 theo Quyết định 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 và Quyết định 28/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị, biến động tài nguyên biển.

#### **4. Về bảo vệ môi trường**

##### **a) Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường**

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ các nguồn thải; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có quy mô xả thải lớn; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho cơ quan quản lý môi trường.

- Xây dựng quy định tiêu chí môi trường để lựa chọn, quyết định đầu tư phát triển. Phân loại các dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chủ động phòng ngừa, kiểm soát nhóm các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

- Hoàn thiện quy định pháp luật, bổ sung đánh giá tác động môi trường sơ bộ đối với các dự án có tác động môi trường cao; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện phân vùng môi trường để có biện pháp quản lý chất lượng môi trường sống, sinh thái và cảnh quan.

- Thực hiện quản lý theo giấy phép môi trường để kiểm soát ô nhiễm. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; ban hành quy định về khoảng cách an toàn môi trường; rà soát, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư tập trung.

- Tập trung xử lý ngay ô nhiễm môi trường ở các thành phố lớn. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí cấp quốc gia; đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc môi trường không khí.

- Tiếp tục thực hiện bảo vệ môi trường nước mặt, đặc biệt đối với các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy và hệ thống sông Đòng Nai.

- Tiếp tục tăng cường quản lý chất thải rắn. Hướng dẫn phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu phí theo khối lượng chất thải phát sinh; quy định chi tiết về phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải. Hoàn thiện quy định trách nhiệm của nhà sản xuất, phân phối trong thu hồi, tái chế các sản phẩm, bao bì thải bỏ; phát triển thị trường trao đổi sản phẩm tái chế.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách để khuyến khích mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải; đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý rác thải nhựa theo hướng hạn chế sản xuất, nhập khẩu và sử dụng các sản phẩm có chứa vi nhựa, sản phẩm nhựa sử dụng một lần; thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định hướng hội nhập, nâng cao chất lượng môi trường. Kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa việc đưa chất thải trái phép, công nghệ, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu vào nước ta.

#### **b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân**

- Tiếp tục điều tra, đánh giá, khoanh vùng và cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật, các khu vực ô nhiễm chất độc đi-ô-xin.

- Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản.

- Kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt ở các làng nghề; xây dựng các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc

gia nông thôn mới.

- Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường biển, vùng ven biển, hải đảo, nhất là các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển, khu du lịch, bãi tắm, khu nuôi trồng thủy sản.

### **c) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

- Rà soát, hoàn thiện thể chế quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới, bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế.

- Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên; tiếp tục xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật. Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm:

a) Tiếp tục triển khai đến khi hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW theo Nghị quyết 08-NQ/CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 đã được phê duyệt. Đối với các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch kết thúc năm 2020, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình, dự án, đề án thực hiện Kế hoạch trong Danh mục nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án kèm theo, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý theo nội dung yêu cầu của Kế hoạch.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ về việc triển khai thực hiện các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Vụ Kế hoạch – Tài chính tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định hiện hành và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.

5. Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức phổ biến, tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện Kế hoạch này.

6. Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ theo dõi, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo việc thực hiện Nghị quyết 06/NQ-CP theo yêu cầu.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các đơn vị thuộc Bộ chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp trình	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Các nhiệm vụ chung</b>					
1.	Tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Báo cáo đánh giá	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Ban Kinh tế Trung Ương	2023
2.	Xây dựng Chiến lược phát triển ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Chiến lược	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
3.	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện kinh tế tuần hoàn để thúc đẩy quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong bối cảnh của biến đổi khí hậu đến năm 2030 ở Việt Nam	Kế hoạch	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023



STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp trình	Thời gian hoàn thành
4.	Xây dựng Đề án thực hiện hạch toán giá trị phù hợp của tài nguyên thiên nhiên, vốn tự nhiên, đất, nước, rừng, khoáng sản, đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên, ô nhiễm và suy thoái môi trường... vào hệ thống tài khoản quốc gia	Đề án	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2025
5.	Xây dựng Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Chiến lược	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
6.	Xây dựng Chiến lược tổng thể tài nguyên số về tài nguyên và môi trường đến năm 2030	Chiến lược	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023-2024
7.	Xây dựng Chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Chương trình	Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường	Cục Biến đổi khí hậu và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
8.	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực và hiệu quả công tác thanh tra ngành tài nguyên và môi trường	Đề án	Thanh tra Bộ	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
9.	Xây dựng Đề án phát triển hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám (trong đó có kế hoạch phát triển trạm thu)	Đề án	Cục Viễn thám quốc gia	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2025
10.	Xây dựng Đề án hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương	Đề án	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2025
<b>II</b>	<b>Về ứng phó với biến đổi khí hậu</b>					
11.	Sửa đổi, bổ sung Luật Khí tượng thủy văn	Luật	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội	2024
12.	Nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc xây dựng Luật Biến đổi khí hậu	Báo cáo nghiên cứu	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2022
13.	Xây dựng Nghị định quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn	Nghị định	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2021
14.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050	Chiến lược	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
15.	Xây dựng Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030	Chiến lược	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
16.	Xây dựng Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Cục Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học KTTV&BĐKH và các đơn vị trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
17.	Xây dựng Chương trình hỗ trợ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam đến năm 2030	Chương trình	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
18.	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2030	Kế hoạch	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021-2022
19.	Xây dựng Kế hoạch quản lý loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính của Việt Nam	Kế hoạch	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
20.	Xây dựng Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam	Đề án	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
21.	Xây dựng Đề án đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính quốc gia	Đề án	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
22.	Xây dựng Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác khí tượng thủy văn đáp	Đề án	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Ban Bí thư Chính phủ	2024

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp trình	Thời gian hoàn thành
	ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng an ninh quốc gia					
23.	Xây dựng Đề án hiện đại hoá ngành khí tượng thủy văn đến năm 2025	Đề án	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2024
24.	Xây dựng Đề án “Thuê dịch vụ đo mưa tự động phục vụ công tác dự báo KTTV, đặc biệt là mưa, lũ theo phương thức thuê bao khai thác dữ liệu”	Đề án	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
<b>III</b>	<b>Về quản lý tài nguyên</b>					
	<b>Tài nguyên đất đai</b>					
25.	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại	Báo cáo đánh giá	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Bộ, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Ban Chấp hành Trung Ương	2021
26.	Dự án tổng kết thi hành Luật Đất đai và xây dựng dự án Luật Đất đai (sửa đổi)	Luật	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội, Chính phủ	2022

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
27.	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sửa đổi)	Nghị định	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2023
28.	Xây dựng Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
29.	Xây dựng Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội, Chính phủ	2021
30.	Xây dựng Đề án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Đề án	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
31.	Kiểm kê chuyên đề về quản lý, sử dụng đất đối với sân golf; các cảng hàng không, sân bay dân dụng; đất của đồng bào dân tộc; các tổ chức tôn giáo	Đề án	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
32.	Đề án kiểm kê đất đai	Đề án	Tổng cục Quản lý đất đai	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2024
	<b>Tài nguyên nước</b>					
33.	Dự án tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước và xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	Luật	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội, Chính phủ	2022-2023

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
34.	Nghị quyết của Quốc hội về an ninh tài nguyên nước và an toàn hồ đập	Nghị quyết	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội, Chính phủ	2021
35.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước năm 2012	Nghị định	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2022-2023
36.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2024
37.	Xây dựng Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
38.	Xây dựng Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước	Quy hoạch	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
39.	Xây dựng 03 Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, Sê San, Srêpok thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	03 Quy hoạch	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Cục Quản lý tài nguyên nước, Viện Khoa học tài nguyên nước, Văn phòng UB SMK Việt Nam và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
40.	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Cục Quản lý tài nguyên nước, Viện Khoa học tài nguyên nước, Văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
41.	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Cục Quản lý tài nguyên nước	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Viện Khoa học tài nguyên nước và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
42.	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
43.	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Ba thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
44.	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Mã thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
45.	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
46.	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Hương thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Viện Khoa học Tài nguyên nước	Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2024
47.	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
48.	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Trà Khúc thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Viện Khoa học tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2024



<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
49.	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Kôn thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
50.	Xây dựng Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia	Đề án	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
51.	Xây dựng Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025	Đề án	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
	<b>Tài nguyên địa chất và khoáng sản</b>					
52.	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Báo cáo đánh giá	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Bộ Chính trị, Ban Bí thư	2021-2022
53.	Dự án tổng kết thi hành Luật khoáng sản và xây dựng dự án Luật Địa chất và tài nguyên khoáng sản (sửa đổi)	Luật	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội, Chính phủ	2023-2024

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
54.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản 2010	Nghị định	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2022
55.	Điều chỉnh, bổ sung Chiến lược khoáng sản giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
56.	Xây dựng Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quy hoạch	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Viện Khoa học ĐCKS, Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
57.	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu địa chất và công nghệ quản trị thông minh hệ thống không gian ngầm đô thị ở Việt Nam	Đề án	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
	<b>Tài nguyên biển</b>					

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
58.	Dự án tổng kết thi hành Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và dự án xây dựng Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi)	Luật	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội Chính phủ	2022
59.	Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Nghị quyết	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội	2022
60.	Xây dựng Nghị định quy định về thể chấp, cho thuê, góp vốn, chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản; bồi thường khi Nhà nước thu hồi khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh	Nghị định	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2021
61.	Nghị định quy định về hoạt động lấn biển	Nghị định	Vụ Pháp chế	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2021
62.	Xây dựng Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chiến lược	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
63.	Xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quy hoạch	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội	2022
64.	Xây dựng Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ của quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quy hoạch	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
65.	Xây dựng Đề án phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển	Đề án	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
66.	Xây dựng Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	Đề án	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
67.	Xây dựng Đề án xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về biển và hải đảo	Đề án	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
68.	Xây dựng Đề án Việt Nam chủ động tham gia đàm phán và xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về chống rác thải nhựa đại dương	Đề án	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
69.	Xây dựng Đề án thành lập Giải thưởng Việt Nam về biển và đại dương	Đề án	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
70.	Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030	Chương trình	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
<b>IV</b>	<b>Về bảo vệ môi trường</b>					
71.	Sửa đổi, bổ sung Luật Đa dạng sinh học 2008	Luật	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Quốc hội	2023
72.	Xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường 2020	Nghị định	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2021
73.	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Nghị định	Thanh tra Bộ	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Chính phủ	2021
74.	Xây dựng Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
75.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học đến 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chiến lược	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
76.	Tổng kết, đánh giá, xây dựng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn giai đoạn 2026-2035	Chiến lược	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, các đơn vị	Thủ tướng Chính phủ	2025

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
				liên quan trực thuộc Bộ		
77.	Xây dựng Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
78.	Xây dựng Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
79.	Xây dựng Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2022
80.	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước giai đoạn 2020-2025	Kế hoạch	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
81.	Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Kế hoạch	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021

<b>STT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án</b>	<b>Sản phẩm, kết quả</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Cấp trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
82.	Xây dựng Chương trình kiểm soát và giảm thiểu tác động của cây mai dương (Mimosa Pigra)	Chương trình	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2023
83.	Điều tra, khảo sát và đề xuất các biện pháp thúc đẩy việc tái sử dụng, tái chế chất thải trong các lĩnh vực có liên quan đến mô hình kinh tế chia sẻ	Đề án	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
84.	Xây dựng Đề án kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học	Đề án	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
85.	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực môi trường	Đề án	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2021
86.	Xây dựng Đề án tăng cường hiệu quả quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại các di sản thiên nhiên	Đề án	Tổng cục Môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2024
87.	Xây dựng Đề án điều tra, đánh giá và đề xuất danh mục các chất thải, sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, phí bảo vệ môi trường ở Việt Nam theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020	Đề án	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ	Thủ tướng Chính phủ	2025